

Phẩm 28: PHẬT BẤT TƯ NGHỊ PHÁP

A. Giải thích tên gọi: Pháp của quả Như Lai, luôn luôn vượt lên trên nói năng suy nghĩ, cho nên lấy làm tên gọi.

B. Ý đưa ra có ba:

Một: Xa thì ba phẩm dưới đây là giải đáp chung về mười câu hỏi như Phật Địa Vô Thượng... ở pháp đường Phổ Quang.

Hỏi: Nếu giải đáp xa về câu hỏi trước đây, thì vì sao ở đây lại có thừa thỉnh? Giải thích: Bởi vì cách xa nhau, cho nên trở lại phát khởi. Nếu như vậy thì các phẩm trước sao không như vậy? Giải thích: Bởi vì các phẩm trước cùng là phần vị thuộc nhân, nay phân rõ về pháp của quả vốn là cách xa phần vị. Lại giải thích: Đây là nghĩ đến pháp mong mỗi thuyết giảng, không phải là thừa thỉnh riêng biệt. Nếu như vậy thì vì sao các phẩm trước không có trường hợp này? Giải thích: Bởi vì pháp của quả sâu xa vi tế, hiển bày về pháp khí rất thiết tha, cần phải nghĩ đến, nói về pháp của nhân thì trái với điều này cho nên không phải trường hợp này.

Hai: Ý đưa ra theo thứ tự, bởi vì trước đã phân rõ về đầy đủ nhân thuộc Tu sinh, nay ở đây chính thức hiển bày về nhân quả tròn vẹn, cho nên đưa ra ba phẩm theo thứ tự.

Ba: Ý đưa ra gần, phẩm Trú Xứ trước đây là cuối cùng của nhân đầy đủ, phẩm này là bắt đầu của quả thành tựu, cho nên tiếp tục đưa ra.

C. Tông thú, trong này chính thức trình bày về pháp thuộc đức của quả Phật, tóm lược đưa ra bốn môn: Một, Tổng quát phân rõ về đức của Phật; hai-Riêng biệt hiển bày về tướng của nghĩa; ba-Phân rõ xác định về văn này; bốn-Hiển bày về không thể nghĩ bàn.

Trong phần một: Nếu nói đến 140 pháp Bất cộng thì đều bao gồm Tiểu thừa và Sơ giáo... Nếu phân rõ về pháp giới thanh tịnh và bốn Trí làm đức thì bao gồm Thủ-Chung và Tiệm giáo. Nếu dùng Thật đức cùng một vị thì chỉ riêng Đốn giáo, nói như phẩm Quang Giác... Nếu đầy đủ tất cả đức của vô tận, thì như văn này... là Nhất thừa Viên giáo.

Hai: Riêng biệt hiển bày về tướng của nghĩa: Công đức của chư Phật không vượt qua hai loại, đó là Tu sinh và Bổn hữu. Hai loại này đối lập với nhau, tổng quát có bốn câu: 1) Chỉ riêng Tu sinh, đó là thiện căn như Tín..., xưa không có mà nay có. 2) Chỉ riêng Bổn hữu, đó là Hằng sa công đức thuộc tánh Chân Như. 3) Bổn hữu thuộc Tu sinh, đó là Như Lai Tạng chờ đợi Liễu nhân ấy xưa ẩn kín mà nay hiển bày. 4) Tu sinh

thuộc Bốn hữu, đó là Trí vô phân biệt... bên trong phù hợp với Chân Như, sâu xa vốn cùng một tướng. Đây là có bốn Nghĩa mà không có bốn Sự, giống như đồ vật trang nghiêm bằng vàng: Nếu nói chọn lấy cân lượng, thì Bốn hữu như vàng; nếu làm ra tướng trạng của đồ vật trang nghiêm, thì công thợ là Tu sinh; nếu nhờ vào thành tựu đồ vật trang nghiêm mới hiển bày đức của vàng, thì Bốn hữu thuộc Tu sinh; nếu thu nhận đồ vật trang nghiêm thuộc về vàng làm thành chứ không có tự Thể riêng biệt, thì Tu sinh thuộc Bốn hữu. Vậy thì biết chỉ có vàng mà không ngăn ngại đồ vật trang nghiêm, cho nên chỉ một Pháp thân không ngăn ngại Báo thân-Hóa thân; chỉ có đồ vật trang nghiêm mà không ngăn ngại vàng, cho nên chỉ riêng Báo thân-Hóa thân cũng tức là đầy đủ Pháp thân. Còn lại đều dựa theo đây. Vì vậy có thể nói Hóa thân tức là Pháp thân..., toàn thể thu nhận đến cùng, còn lại dựa theo suy nghĩ.

Ba: Phân rõ xác định về văn này: Như vậy bốn nghĩa trên thấu nhiếp có hai môn: 1) Dựa theo tự đức của Phật, thì viên dung vô ngại không thể nói được. 2) Dựa vào căn cơ xuất hiện lại có hai môn: a) Phân tướng môn, nghĩa là Hóa thân vì giáo hóa Địa tiền mà hiện bày cõi nhiễm..., Báo thân vì giáo hóa Địa thượng mà hiện bày cõi tịnh; đây là dựa theo căn cơ sai biệt của Tam thừa mà nói. b) Vô ngại môn, nghĩa là Báo thân-Hóa thân không phân biệt, tức là Quyên luôn luôn Thật. Từ “Như thọ vương...” trở xuống là hiện bày thân của mười Phật, trượng sáu rộng khắp mười phương, tám tướng bao gồm pháp giới, các căn và lỗ chân lông đều không có hạn lượng, cũng không ngăn ngại hạn lượng, vậy thì hạn lượng và không có hạn lượng không ngăn ngại gì. Đây là dựa theo Nhất thừa Viên cơ mà nói. Thấu nhiếp có bốn lớp, như phẩm này nói: 1) Tóm lược nêu ra mười môn, như đầu phẩm đã hỏi; 2) Thứ tự phân rõ ba mươi hai môn, như phần vị Đại trong giải đáp; 3) Hiển bày đầy đủ có 320 môn, như riêng biệt phân rõ trong giải đáp; 4) Mở rộng trình bày về nhiều môn, như tương tự mười phương, mỗi một phương đều là vô tận vô tận.

Bốn: Hiển bày về nghĩa không thể nghĩ bàn: Nói chung có bốn: 1) Lý vi diệu khó suy lường; 2) Sự rộng lớn khó nhận biết; 3) Hành sâu xa vượt quá thế gian; 4) Dụng của quả vượt lên trên tình thức. Nay văn trong phẩm này bao gồm đầy đủ bốn loại trước, riêng biệt phân rõ về loại thứ tư.

Phân rõ trong loại thứ tư lại tách ra làm bốn: Một, Những gì là không thể nghĩ bàn? Tóm lược phân rõ về mười loại: 1) Trí vượt lên trên mẫu mực của thế gian; 2) Bi vượt qua thường tình của thế gian; 3)

Không suy nghĩ mà thành tựu sự việc; 4) Cùng với nhiệm mà luôn luôn thanh tịnh; 5) Những việc đã làm đều bí mật; 6) Nghiệp dụng rộng lớn; 7) Nhiều ít ngay trong nhau-hòa vào nhau; 8) Từng phần và tròn vẹn tự tại; 9) Y báo và Chánh báo vô ngại; 10) Lý và Sự cùng một vị. Vả lại, như văn hiển bày, sợ rằng quá nhiều mà không nêu ra. Hai, Không thể nghĩ bàn đối với loại nào? Cũng có bốn phần vị: 1) Bởi vì vượt quá thế gian; 2) Bởi vì vượt qua Nhị thừa; 3) Bởi vì vượt lên trên phần vị của nhân; 4) Hiển bày về tự Thể của pháp. Ba, Thế nào là không thể nghĩ bàn? Cũng có bốn loại, đó là bởi vì không phải cảnh thuộc trí của Văn-Tư-Tu và Báo sinh. Bốn, Vì sao không thể nghĩ bàn? Cũng có bốn loại, đó là khiến cho tin tưởng mà hướng về, khởi hạnh mà mong cầu, tùy từng phần mà chứng, đầy đủ trọn vẹn mà đạt được.

D. Giải thích văn: Pháp của quả trong ba phẩm dưới đây, cũng có người (Chư đức) đem phối hợp với ba thân, nói đầu là Pháp thân-tiếp là Báo thân-sau là Hóa thân, văn sợ rằng không thích hợp, bởi vì trong phẩm này mở rộng hiển bày về Dụng như tám tướng..., lẽ nào chỉ riêng Pháp thân hay sao? Cũng có người đem phối hợp với Thể-Tướng-Dụng của Phật, hai phẩm sau có thể như vậy, mà phẩm đầu có trở ngại, bởi vì trong phẩm này cũng có Tướng-Dụng. Nay nói phẩm này tổng quát hiển bày về Thể-Dụng thù thắng thuộc đức của Phật, tiếp theo phẩm Tướng Hải là riêng biệt hiển bày về Tướng của đức thù thắng, sau là phẩm Tiểu Tướng riêng biệt phân rõ về Dụng lợi ích của đức thù thắng.

Ngay trong phẩm đầu này, phân văn có bốn: Một là phần thừa thính; hai là phần gia hộ; ba là phần chứng được, bốn là phần thuyết giảng.

Trong phần một có hai: 1) Trình bày về người chủ động thừa thính, Đại chúng cùng nghĩ đến là biểu thị cho pháp vốn sâu xa vi tế. 2) Chính thức hiển bày về mười pháp đã nghĩ đến, ở đây nói không nghĩ bàn là hiển bày về pháp của quả đức vượt qua nói năng suy nghĩ, nghĩ đến pháp không nghĩ bàn này mà mong mỏi thuyết giảng về pháp ấy: Một, Hỏi về nơi Đức Phật xuất hiện. Hai, Hỏi về nhân của xuất hiện, nghĩa là do Bốn nguyện, bản tiếng Phạm nói là nguyện thanh tịnh ở quá khứ. Ba, Hỏi về gia tộc-chủng tánh-nơi chốn sinh ra, ở đây giải thích dựa vào tên gọi tiếng Phạm không phải là chủng tánh... của Phật ở trong nhân vị. Bốn-Tổng quát trình bày về ứng với căn cơ mà xuất hiện ở thế gian. Năm-sáu-bảy là riêng biệt hiển bày về nghiệp dụng của ba Luân. Tám, Hỏi về Thể của Đại Dụng. Chín, Hỏi về Tướng của Đại Dụng. Mười, Hỏi về Đại Dụng tự tại.

Trong phần hai là phần gia hộ: 1) Nhận biết về pháp khí; 2) Trao cho Thanh Liên... là chính thức hiển bày về tướng gia hộ, biểu thị cho quả không tự mình làm sáng tỏ, đây là hiển bày nhờ vào nhân, vì vậy gia hộ Thanh Liên khiến cho thuyết giảng. Trong mười câu: Đầu là năm câu trao cho thân đầy đủ đức thù thắng, trong đó: Ba câu đầu là trao cho ba nghiệp của Phật, hiển bày giống như Phật phân rõ về bình đẳng, Thần lực là thân nghiệp, Trí là ý nghiệp, Biện tài là ngữ nghiệp; hai câu sau là trao cho phước trí của Phật, Vô úy là trí. Sau là năm câu trao cho tâm đầy đủ Dụng của trí: 1) Cứu cánh... là trao cho trí bên trong nhận biết về pháp giới tròn vẹn của Phật; 2) Trao cho trí thuộc cảnh giới tác dụng của Phật; 3-Trao cho trí thực hành vô ngại của Phật, nghĩa là không suy nghĩ mà thành tựu sự việc...; 4) Phân biệt... là trao cho trí nhận biết về pháp khí của Phật; 5) Không thể kể ra... là trao cho trí phương tiện khéo léo nhiều môn của Phật, khiến cho có thể thuyết giảng.

Vì sao không có thân-ngữ gia hộ? Bởi vì không tiến vào Định. Vì sao chỉ có ý gia hộ? Bởi vì khiến cho tiến vào pháp giới. Bồ-tát này lẽ nào không chứng được pháp giới hay sao? Giải thích: Vị ấy chứng có phần hạn, không phải là rất sâu xa, không phải là vô ngại.

Trong phần ba là phần chứng được: Đầu là năm câu về Tự lợi: Một câu đầu là tổng quát, nghĩa là pháp giới không chướng ngại gì đến quả Phật, Phật gia hộ khiến cho đạt được, vì vậy nói là tiến vào; văn sau nói pháp mà tất cả chư Phật đã thuyết đều tiến vào pháp giới rất sâu xa. Bốn câu còn lại là riêng biệt hiển bày: 1) Hạnh sâu xa; 2) Nguyện rộng lớn. Hai câu này thuộc về Tự phần, tức là hạnh nguyện pháp giới của Phổ Hiền, nay tiến vào hạnh nguyện này cho nên có thể thành tựu. 3) Thuận theo quả; 4) Hiện rõ quả, nghĩa là bởi vì tự trang nghiêm cho quả Phật. Sau là năm câu về đức Lợi tha: Một câu đầu là tổng quát về Bi che phủ chúng sinh bởi vì muốn khiến cho lìa xa cấu nhiễm, khiến cho thành tựu Hạnh thanh tịnh, khiến cho đạt được Tín thanh tịnh, vì vậy nói là thanh tịnh. Bốn câu còn lại là riêng biệt hiển bày: 1) Lượng trí; 2) Lý trí; 3) Tổng trì; 4) Biện thuyết.

Vì sao không nói là tiến vào Tam-muội? Xưa giải thích: Đây tức là tiến vào Định. Lại xưa giải thích: Pháp của quả đã sâu xa, lại tiến vào Định để hiển bày sợ rằng lui sụt niềm tin và hiểu biết, cho nên không tiến vào Định; lại bởi vì pháp sâu xa, cho nên đích xác tiến vào pháp giới. Nay Lại giải thích: Đây là có được lực gia hộ, tiến vào pháp giới thắng tiến của quả Phật, mà khiến cho có thể thuyết giảng.

Trong phần bốn là phần thuyết giảng: Nói cho Liên Hoa Tạng

biết, là hiển bày về pháp khí thù thắng sâu xa khó hiểu, lại biểu thị cho pháp của quả hàm chứa thâm nhiếp sẽ có lúc nở rộ mà gọi tên. Đức của quả không có giới hạn, sơ lược dùng 320 môn để giải đáp câu hỏi trước đây. Trong đó: Đầu là mười môn nêu ra Tông để sơ lược giải đáp, sau là 310 môn tùy theo Nghĩa để mở rộng hiển bày.

Trong mười môn đầu: 1) Nơi cư trú thanh tịnh vi diệu, là giải đáp câu hỏi về thế giới(Sát) trước đây. 2) Cư trú vô lượng tự tại, là giải đáp hai câu hỏi về nguyện thanh tịnh và chủng tánh, bởi vì hai loại này đều là chỗ dựa cho sự xuất thế của Phật, cho nên nói là tự tại. 3) Ứng với căn cơ mà xuất hiện gọi là không mất thời cơ, là giải đáp câu hỏi về Phật xuất thế trước đây. 4) Pháp luân. 5) Bốn biện tài, là giải đáp câu hỏi về âm thanh. 6) Pháp không thể nghĩ bàn, là giải đáp ba câu hỏi về Thần lực-Trú vô ngại và Giải thoát. 7) Âm thanh trong trẻo, là trở lại hiển bày về phạm vi giới hạn của âm thanh trước đây. 8) Pháp giới phân biệt, là giải đáp câu hỏi về trí tuệ trước đây. 9) Ánh sáng soi chiếu, là giải đáp câu hỏi về thân nghiệp trước đây. 10) Cũng hiển bày về ngữ nghiệp đã thuyết giảng rất sâu xa.

Lại giải thích mười môn này là tổng quát trình bày về ứng với căn cơ thành tựu sự việc của Như Lai: 1) Trình bày về Phật tự mình trú vào chân lý. 2) Trình bày về không đắm vào vắng lặng, cho nên nói là tự tại. 3) Không những bên trong không đắm vào vắng lặng, mà bên ngoài cũng thuận theo không sai khác. 4) Ứng với căn cơ không mất những việc làm nào, đó là chuyển Pháp luân. 5) Dùng pháp nào để chuyển, đó là bốn biện tài. 6) Thuyết giảng về pháp gì, đó là pháp không nghĩ bàn. 7) Có thể chuyển đến phạm vi nào, đó là không có phạm vi nào không đạt đến; trước phân rõ về thuyết giảng không có cùng tận trong tất cả thời gian, ở đây trình bày về âm thanh có khắp tất cả mọi nơi. 8) Pháp đã chuyển là bao nhiêu, đó là vô lượng pháp giới; pháp không nghĩ bàn trước đây là hiển bày về sâu xa, vô lượng pháp trong này là trình bày về rộng lớn. 9) Dụng của ngữ nghiệp đã như vậy, Dụng của thân nghiệp là thế nào, đó là ánh sáng soi chiếu khắp nơi, chấm dứt khổ báo-diệt trừ ác nghiệp, cảnh tỉnh mọi căn cơ khiến cho tiến vào pháp... 10) Ngôn giáo thì giống với lý, cho nên nói là tiến vào pháp giới; lại thuyết pháp dựa vào căn cơ khiến cho đều chứng được chân lý, cho nên nói là tiến vào pháp giới, bởi vì không có cứu cánh thì không tiến vào pháp sâu sa. Cuối cùng là kết luận quy về một mối.

Trong phần sau là tùy theo Nghĩa để mở rộng giải đáp có 310 câu, Đại môn có ba mươi một phần vị, dựa vào những người xưa thì thuộc

về giải đáp câu hỏi trước đây, dựa vào thứ tự câu hỏi thì vẫn hoàn toàn không thuận. Nay lại vượt qua thứ tự để phân định kết hợp, có phần nào thích hợp, suy cho cùng thì tự mình khó thấy được, bởi vì đức của Phật tự tại không có giới hạn, không phải ngôn từ mà có thể hiển bày theo thứ tự.

Trong đó phân ra làm mười đoạn:

1) Bốn môn giải đáp câu hỏi thứ nhất về Thế giới Phật trước đây.

2) Từ “Thập chủng xuất sinh-trú trì-trí tuệ...” trở xuống là ba môn giải đáp câu hỏi thứ hai về Nguyên thanh tịnh.

3) Từ “Thập chủng công đức ly ác thanh tịnh...” trở xuống là hai môn giải đáp câu hỏi thứ ba về Chủng tánh.

4) Từ “Ư nhất thiết thế giới, nhất thiết thời hữu thập chủng Phật sự...” trở xuống là ba môn vượt lên trên giải đáp câu hỏi thứ bảy về Trí tuệ của Phật.

5) Từ “Thập chủng vô lượng thuyết Phật pháp môn...” trở xuống là ba môn giải đáp câu hỏi thứ sáu về Âm thanh của Phật.

6) Từ “Thập chủng vô ngại trú...” trở xuống là ba môn vượt lên trên giải đáp câu hỏi thứ chín về Vô ngại trú của Phật.

7) Từ “Cụ túc thập chủng bất tư nghị pháp dĩ thành Chánh giác...” trở xuống là sáu môn quay lại giải đáp câu hỏi thứ tư về Phật xuất thế.

8) Từ “Thập chủng tối thắng lực...” trở xuống là một môn giải đáp câu hỏi thứ tám về Thần lực của Phật.

9) Từ “Thập chủng định pháp...” trở xuống là ba môn quay lại giải đáp câu hỏi thứ năm về Pháp thân của Phật.

10) Từ “Thập chủng Nhất-thiết-trí trú...” trở xuống là ba môn giải đáp câu hỏi thứ mười về Giải thoát của Phật. Tạm thời đưa ra cách phối hợp này, tương tổng quát viên dung đều dựa theo có thể biết.

Ngay trong đoạn một: Là bốn môn đầu: Một, Phân rõ về Y-Chánh sáu căn của Phật, trình bày về Thể của đức thù thắng. Hai, Khấp nơi các thế giới ứng với căn cơ mà sinh ra, trình bày về dựa vào nơi chốn khởi Dụng. Ba, Trình bày về Dụng ứng với căn cơ giáo hóa không mất thời cơ. Bốn, Nghiệp dụng rộng lớn vượt ra khỏi giới hạn suy nghĩ. Cùng với thế giới hiện bày, đây là nêu ra Chánh báo hiển bày về Y báo, để giải đáp câu hỏi thứ nhất. Trong mỗi một môn đều có ba, đó là nêu ra môn-riêng biệt nêu ra và tổng quát kết luận.

Trong mười câu thứ nhất: Sắc thân... gọi là Pháp giới: 1) Nhiều cho nên gọi là Pháp giới. 2) Rộng cho nên gọi là Pháp giới. 3) Diệu cho

nên gọi là Pháp giới, bởi vì trong mười tám Giới vốn là Pháp giới thân nhiếp. 4) Thuận theo nơi nương tựa, bởi vì thành tựu về chứng Pháp giới. 5) Thuận theo tướng của nghĩa, nghĩa là quỹ phạm vi diệu gọi là Pháp, phạm vi giới hạn khác nhau gọi là Giới. 6) Dựa theo ngay nơi tướng, tức là giống với Chân tánh cho nên gọi là Pháp giới. Sắc thân này là câu tổng quát, những câu còn lại thì đưa vào nơi nương tựa. Sáu câu tiếp theo có thể biết. 8) Vô ngại giải thoát là nghiệp dụng tự tại, như văn dưới nói: Ở trong một mảy trần hiện rõ chư Phật ba đời... 9) Trang nghiêm quốc độ ứng với căn cơ. 10) Nhân tròn vẹn quả đầy đủ.

Mười câu thứ hai: Sinh ra Trí vô tận, trước bởi vì Tướng thuận theo Tánh giống nhau gọi là Pháp giới, nay bởi vì Dụng thuận theo Thể giống nhau gọi là Trí. Lại cũng là trước thì Tướng dựa vào Tánh hiện rõ, nay Dụng thuận theo Trí dấy khởi. Vô tận có ba nghĩa: a) Thời vô tận, nghĩa là niệm niệm...; b) Xứ vô tận, nghĩa là tất cả thế giới...; c) Dụng vô tận, nghĩa là mạng chung sinh ra... Năm câu đầu có thể biết. 6) Trình bày về lợi ích đã thành tựu. 7) Thân trang nghiêm ứng với căn cơ, nghĩa là chân voi đen... 8) Trang nghiêm tách ra khác nhau bởi vì ứng với cơ cảm không giống nhau. 9) Chúng sinh thanh tịnh, nghĩa là điều phục chúng sinh khiến cho lìa xa chướng ngại cấu nhiễm. Chín câu trên là riêng biệt phân rõ. 10) Hiện rõ chư Phật ba đời, bởi vì các loại căn cơ..., là tổng quát kết luận về nhiều môn làm lợi ích cho chúng sinh.

Mười câu thứ ba: Chưa từng mất thời cơ, việc đã làm thích hợp, thuốc và bệnh tương ứng: 1) Cơ cảm hiện rõ thành tựu mà không sai lạc. 2) Túc nguyện thiện căn-hiện báo không sai. 3) Căn thuần thực thọ ký qua lại khiến cho tăng thêm thiện căn, lại thọ ký sẽ đạt được quả, thời gian không có thay đổi. 4) Đối với những chúng sinh quy y tà vạy, thuận theo thị hiện thần lực. 5) Đối với những chúng sinh nghĩ đến Phật, thuận theo thị hiện thân Phật. 6) Giáo hóa thành tựu lợi ích xong rồi rời bỏ mà không thay đổi. 7) Đi vào thành thực hành khát thực vì đến lúc bố thí thức ăn. 8) Thấy Phật sinh tâm hoan hỷ vì đến lúc tiếp nhận giáo hóa. 9) Tạm thời rời bỏ người khó giáo hóa khiến cho sinh tâm lưu luyến ngưỡng mộ. 10) Tùy cơ nghịch thuận tự tại khó mà nghĩ bàn, cũng là tổng quát kết luận.

Mười câu thứ tư: Thế gian không gì sánh được, nói là không có thể ví dụ; tình thức không có thể suy nghĩ, gọi là không thể nghĩ bàn, đây là hiển bày về nghiệp dụng tự tại vượt qua tình thức so sánh. Bốn câu đầu có thể biết. 5) Không lìa xa nơi ban đầu..., như lên trên cõi trời mà không rời khỏi cội cây Bồ-đề... 6) Quyết định một pháp..., bởi vì một pháp tức

là tất cả các pháp, mà không hủy hoại một pháp cho nên nói là quyết định. 7) Đối với một niệm..., là thần lực như ý có thể nhanh chóng đến khắp mọi nơi. 8) Thị hiện quả đức. 9) Hiện rõ chư Phật ba đời. 10) Giáo hóa chúng sinh thường ở trong Diệt định, bởi vì Dụng mà luôn luôn vắng lặng. Trên đây là giải đáp câu hỏi thứ nhất, xong.

Đoạn lớn thứ hai: Từ “Xuất sinh-trú trì-trí tuệ...” trở xuống là ba môn giải đáp câu hỏi thứ hai về Nguyên thanh tịnh trước đây. Một, Mười câu đều dựa vào trí Căn bản sinh ra trí Hậu đắc, giáo hóa chúng sinh cho nên gọi là sinh ra Trí trú trì. Lại giải thích: Lý thật thì không có sai biệt, mà Trí soi chiếu trái lại khởi lên Trí nhận biết sai biệt này, nghĩa là trú vào Lý mà duy trì Sự, cho nên nói là sinh ra trú trì; cũng trú vào Sự mà duy trì Lý, cho nên đều nói là Trí. Nếu không như vậy thì trú vào Sự mê lầm Lý, là ngu chứ không phải trí.

Trong mười câu thứ nhất: Một là nêu ra Lý thật cho nên không có thú hưởng; hai là hiển bày về tùy theo Sự cho nên sinh ra Nguyên thanh tịnh. Đây là chính thức giải đáp câu hỏi trước, nêu lên ở đầu tiên. Trong ba, không có hai là không có Giác chủ động-Giác thụ động; mà sinh ra... là khéo léo ra khỏi chủ động-thụ động, không trái với không có hai, sau trái với không có hai mà sinh ra hai. Còn lại đều dựa theo đây.

Mười câu thứ hai: Pháp bên trong hàm chứa đức, thuộc về tâm gọi là pháp bên trong, cũng là pháp đã chứng trong tâm: 1) Thân bên trong không có cấu nhiễm, có thể thuận theo tiến vào ba đời. 2) Bên trong đầy đủ ba Luân, một là Thần thông luân thuộc thân nghiệp, hai là Chánh giáo luân thuộc ngữ nghiệp, ba là Ký tâm luân thuộc ý nghiệp. 3) Bên trong có Tổng trì duy trì Pháp trí. 4) Bên trong đầy đủ bốn biện thuyết về Pháp trí. 5) Bên trong có Vô duyên Đại Từ Bi. 6) Bên trong chứng lý quán sát căn cơ. 7) Bên trong có thiện căn, đều là phương tiện khéo léo có thể điều phục chúng sinh. 8-Bên trong có Pháp giới, là pháp đã chứng; trú là Trí chủ động chứng, Vô ngại trú là chủ động-thụ động bình đẳng cho nên không có gì chướng ngại. 9) Bên trong hiện rõ nhiều Phật. 10) Bên trong soi chiếu nhiều kiếp từ xưa đến nay là một ngày, không phải là vừa mới ngay trong nhau(tương tức).

Mười câu thứ ba: Đại pháp rất sâu xa, nghiệp dụng không có bờ bến gọi là Đại pháp, không có suy nghĩ phù hợp với lý gọi là rất sâu xa. Lại vượt qua Tiểu nói là Đại, vượt lên trên nhân nói là sâu xa. Hai câu đầu là Đại thuộc về lực dụng, hai câu tiếp là Đại thuộc về niết hóa, bốn câu tiếp là Đại thuộc về ba nghiệp không trống rỗng, hai câu tiếp là Đại thuộc về y-chánh tự tại, một câu cuối cùng là Đại thuộc về Chánh

giác, ở đây còn lại một câu là mười số tăng thêm. Trên đây là giải đáp về Nguyện thanh tịnh, xong.

Đoạn lớn thứ ba: Từ “Ly ác thanh tịnh...” trở xuống là hai môn giải đáp câu hỏi thứ ba về Chứng tánh: Đầu là mười câu về lỗi lầm không có gì không tận cùng, cho nên nói là thanh tịnh lia xa ác; sau là mười câu về đức không có gì không tròn vẹn, cho nên nói là cứu cánh thanh tịnh; đều là chứng tánh thanh tịnh, cho nên không có gì có thể chê trách.

Trong mười câu thứ nhất: 1) Nhân quá khứ thanh tịnh. 2) Quả hiện tại thanh tịnh, nghĩa là sinh trong nhà của Như Lai ba đời, chính thức giải đáp câu hỏi về chứng tánh, cho nên nêu lên ở đầu tiên. 3) Vị lai thanh tịnh. 4) Ba đời thanh tịnh, bởi vì đều không vướng mắc gì. 5) Một vị thanh tịnh. 6) Nhiều đức thanh tịnh. 7-8 là thân và ngữ thanh tịnh. 9) Danh xưng thanh tịnh. 10) Ứng niệm thanh tịnh.

Mười câu thứ hai: Cứu cánh thanh tịnh, cũng là hoàn toàn vô nhiễm: Ba câu đầu là hạnh nguyện thanh tịnh rời xa Ưu-bà-đề, có nơi giải thích đây là Ưu-bà-di, bởi vì lia xa Tướng về người nữ này; có nơi giải thích đây là phiên dịch gọi là Ám độn, trình bày về Đức Phật đã rời bỏ từ lâu, cho nên nói là thanh tịnh; lại phiên dịch gọi là Hý luận, bởi vì Đức Phật đã rời bỏ. Bốn câu tiếp là Y-Chánh gia quyến thanh tịnh; ba câu sau là Lý-Trí nghiệp dụng thanh tịnh, cũng là Pháp thân đức, Bát-nhã đức và Giải thoát đức thanh tịnh. Trên đây là giải đáp câu hỏi về Chứng tánh, xong.

Đoạn lớn thứ tư: Từ “Ư nhất thiết thế giới...” trở xuống là ba môn vượt lên trên giải đáp câu hỏi thứ bảy về Trí tuệ của Phật. Trong đó mười câu đầu là trình bày về Dụng của Trí soi chiếu căn cơ, mười câu tiếp là trình bày về Thể của Trí sâu rộng, mười câu sau là trình bày về Đức của Trí không có đoạn dứt.

Trong mười câu thứ nhất: Nghĩa là Thời-Xứ rộng lớn nhanh chóng dấy khởi, cho nên nói là thành tựu lợi ích. Lại tất cả thế giới là khắp nơi, tất cả thời gian là thường xuyên, nghĩa là nối tiếp nhau không có gián đoạn. Nhiếp Luận nói: “Như luôn luôn cảm thọ vui sướng, như luôn luôn bố thí thức ăn...” Hai câu đầu là hiện thân thuyết pháp, hai câu tiếp là tăng thêm công hạnh xác định phần vị. Nói phần vị Chánh pháp là từ Địa thứ nhất trở lên. Hai câu tiếp là ứng với căn cơ qua lại các thế giới, hai câu tiếp là tâm Bi giáo hóa thấu nhiếp chúng sinh, hai câu sau cuối là Thể-Dụng lợi ích chúng sinh.

Mười câu thứ hai: Vô tận trí hải, trước là ứng với Dụng thường xuyên khắp nơi, đây tức là biển trí sâu rộng, cho nên nói là Vô tận: 1)

Trí giống như Lý sâu xa. 2) Phước giống như Trí rộng lớn. 3) Pháp đã thấy cao xa. 4) Thiện căn khó suy lường. 5) Hành giống như pháp tánh. 6) Mưa pháp tuôn chảy khắp nơi. 7) Ca ngợi về đức vô tận. 8) Hạnh nguyện rộng lớn. 9) Thường sử dụng không cạn. 10) Nhận biết về biển của tâm hành. 11) Phước trí vô tận. Còn lại một câu.

Mười câu thứ ba: Thường pháp, mười pháp này là các Đức Như Lai đã thường có, đã thường thực hành: Hai câu đầu là thành tựu hạnh lìa xa lỗi lầm, hai câu tiếp là Đại Bi-Đại Lực, hai câu tiếp là thuyết pháp hóa độ chúng sinh, hai câu tiếp là ứng hóa hiện thân, hai câu tiếp là còn-mất không hề nghĩ đến. Giải đáp câu hỏi về Trí tuệ, xong.

Đoạn lớn thứ năm: Từ “Thập chủng vô lượng thuyết Phật pháp môn...” trở xuống là ba môn giải đáp câu hỏi thứ sáu về Âm thanh của Phật. Trong đó: Đầu là mười câu về ngôn thanh thuyết pháp, tiếp là mười câu về những sự thuyết pháp, sau là mười câu nêu ra nhân kết luận về quả.

Ngay trong mười câu thứ nhất: Thuyết pháp môn là hiển bày về pháp môn đã thuyết giảng: Đầu là ba câu thuyết về pháp môn ngay nơi phần vị chúng sinh: Một, Như Lai Tạng là Giới; Hai, Thiện ác không lay động là Hạnh; Ba, Khổ vui... là do nghiệp mà cảm lấy báo. Tiếp là hai câu về môn giáo hóa chúng sinh: Một, Vô lượng phương tiện hóa độ chúng sinh, nghĩa là nhiều tham dực... thì dạy cho quán xét về Bất tịnh...; Hai, Chúng sinh thực hành thanh tịnh thì trao cho Giới Học... Tiếp là hai câu về môn giáo hóa Bồ-tát: Một, Hạnh; Hai, Nguyện. Tiếp là hai câu thuyết về môn nhiễm-tịnh và vui mừng-chán ngán: Một, Thuyết về thành-bại của quả nhiễm khiến cho chán ngán; Hai, Thuyết về thanh tịnh khiến cho vui mừng. Sau cuối là một câu thuyết về môn chư Phật ba đời xuất hiện khiến cho đi đến cúng dường.

Mười câu thứ hai: Thường vì chúng sanh mà làm Phật sự, dùng mười pháp này mở mang hiểu biết cho chúng sinh tiến vào pháp, thành tựu lợi ích gọi là Phật sự, việc làm không có ngừng nghỉ cho nên nói là thường xuyên. Hai câu đầu là việc làm thuộc thân-ngữ; hai câu tiếp là tiếp nhận-không tiếp nhận làm Phật sự, nghĩa là tiếp nhận thì khiến cho thành tựu Bồ thí, không tiếp nhận thì khiến cho học theo hạnh ít ham muốn; hai câu tiếp là dùng bốn Đại thần lực làm Phật sự; hai câu tiếp là danh hiệu thế giới làm Phật sự; hai câu sau là sát hải của Phật lặng lẽ an trú mà làm Phật sự, cho đến tất cả các pháp đều có thể làm Phật sự, thường xuyên làm không nghỉ.

Mười câu thứ ba: Kiên cố sĩ pháp, nếu có thể thực hành mười

pháp kiên cố này thì gọi là Kiên cố sĩ pháp: 1) Nguyên kiên cố; 2) Hạnh kiên cố; 3) Giáo hóa kiên cố; 4) Đại Bi kiên cố; 5) Đại tâm kiên cố; 6) Rời bỏ thế gian hưởng về xuất thế gian kiên cố; 7) Rời bỏ Tiểu thừa hưởng về Đại thừa kiên cố; 8) Tâm thanh tịnh soi chiếu pháp kiên cố; 9) Chán ngán bốn Đại cứu giúp chúng sinh kiên cố; 10) Thay thế chịu khổ thân nhiếp chúng sinh kiên cố. Trên đây là giải đáp câu hỏi về Âm thanh của Phật, xong.

Đoạn lớn thứ sáu: Từ “Thập chủng vô chướng ngại trú...” trở xuống là ba môn vượt lên trên giải đáp câu hỏi thứ chín về Vô ngại trú của Phật. Trong đó: Đầu là mười câu chính thức hiển bày về nơi an trú vô ngại, tiếp là mười câu trình bày về đầy đủ đức vô ngại, sau là mười câu phân rõ về pháp tự tại vô ngại ấy.

Trong mười câu thứ nhất: Do thân-trí mà làm yên lòng chúng sinh không có gì có thể ngăn ngại, gọi là vô ngại trú: Năm câu đầu là thân trú vào thế giới không có gì chướng ngại, năm câu sau là Trí trú vào pháp đã nhận biết không có gì chướng ngại. Trong đó: Hai câu đầu là trú vào chứng lý thuyết pháp, nghĩa là trú vào pháp giới ba đời, là chứng được chân tánh bất dứt ba thời gian. Hai câu tiếp là trú vào dưới thì giáo hóa-trên thì giống nhau, nghĩa là dưới thì đối với chúng sinh nhận biết căn cơ khéo léo giáo hóa, trên thì đối với Phật pháp dùng thân của trí tuệ mà an trú. Hai câu sau là trú vào phân biệt nhiễm-tịnh, còn lại một câu.

Mười câu thứ hai: Tối thắng là bởi vì đã vượt qua phần vị phía dưới, Vô thượng là bởi vì phía trên không có gì hơn nữa, dùng đức thù thắng trang nghiêm để tự trang nghiêm. Trong mười câu đều trước là giải thích về nghĩa của trang nghiêm, sau là kết luận về tên gọi ấy: 1) Ba Minh là ba nghiệp trang nghiêm. 2) Trong ngữ nghiệp, tám âm... là trình bày về Thể của âm thanh đầy đủ đức, diễn thuyết... là trình bày về Dụng của âm thanh khéo léo thuyết giảng, đều khiến cho... là làm lợi ích cho chúng sinh không hư giả. 3) Trong ý nghiệp, trước là trình bày về ý thâm nhiếp các đức, ở trong một niệm... là hiển bày về Dụng của ý không có bờ bến. 4) Trong ánh sáng trang nghiêm, trước là Thể của mỗi một ánh sáng... là trình bày về nghiệp thuộc nhân, soi chiếu khắp nơi... là nghiệp thuộc thị hiện, trừ diệt... là nghiệp thuộc ngăn chặn-nghiệp thuộc hành phục, hiện rõ chư Phật... là nghiệp thuộc cung kính. 5) Trong ánh sáng mím cười, đầu là hiển bày về nghĩa soi chiếu khắp nơi, đều thọ ký... là hiển bày về lìa xa ngu si, nghĩa là thành tựu lợi ích không hư giả. 6) Pháp thân ra khỏi ràng buộc lìa xa nhiễm ô là trang nghiêm.

7) Trong ánh sáng thường xuyên trang nghiêm, bởi vì các ánh sáng khác đều từ trong này phát ra, cho nên gọi là Tạng. 8) Diệu sắc có sáu câu, một câu đầu là tổng quát, năm câu còn lại là riêng biệt, đều vượt lên trên biểu hiện của thế gian, gọi là Diệu. 9) Chứng tánh trang nghiêm, đây là chứng tánh của nhà sinh ra, cũng là sinh ra trong nhà Chân Như. 10) Trong Đại Từ... trang nghiêm, nói Vô thượng thọ giả, là trong ruộng phước tiếp nhận cúng dường, Đức Phật là bậc nhất, cho nên gọi là Vô thượng.

Mười câu thứ ba: Chánh pháp tự tại, là đối với pháp tự tại không có gì chướng ngại. Hai câu đầu là tự tại đối với giáo pháp, trước là thuyết giảng giáo pháp, sau là ứng với căn cơ. Hai câu tiếp là tự tại đối với thế giới, trước là rung động, sau là trang nghiêm. Hai câu tiếp là Thời-Xứ tự tại, trước là Thời, sau là Xứ; cũng là trú vào thọ mạng tự tại, đi đến khắp nơi tự tại. 7) Trong Chánh giác tự tại có hai cách giải thích: a) Tùy theo văn giải thích, nghĩa là tất cả chư Phật đều vì điều phục giáo hóa những chúng sinh mà mình đã giáo hóa, tất cả đều thị hiện thành tựu Chánh giác, cho nên nói là niệm niệm, chứ không phải là một Đức Phật; đã đều thị hiện thành tựu, không phải trước kia không giác ngộ nay mới bắt đầu giác ngộ, cho nên nói là trước kia đều đã giác ngộ... đây là hiện rõ Dụng của Hóa thân. b) Dựa vào nghĩa giải thích, một Đức Phật tức là khắp nơi tất cả chúng sinh, rộng khắp mười phương vi trần, tận cùng ba đời, niệm niệm cùng lúc, trước sau đều thành tựu Chánh giác, đây tức là thật sự thành tựu chứ không phải hóa hiện, chỉ bởi vì không thành tựu thì ngừng, thành tựu thì từ xưa đến nay thành tựu, cho nên nói là trước kia đều đã giác ngộ... Bởi vì thâm nhiếp tất cả ba đời, không có quá khứ không thành tựu, cho nên nói là không trú vào pháp Học của Địa... Điều này có thể dựa theo Tông mà suy nghĩ. 8) Các căn cùng tác dụng tự tại, nếu Tiểu thừa thì chỉ tác dụng biến hóa, Tiệm giáo Đại thừa thì thay đổi chuyển sang tác dụng, Viên giáo Nhất thừa cũng không biến hóa-không thay đổi, cùng hòa vào từ xưa đến nay làm thành tất cả tác dụng. 9) Lỗ chân lông bố trí chúng sinh, dựa vào môn pháp tánh dung thông mà suy nghĩ, đây là Chúng sinh thế gian tự tại. 10) Một niệm hiện rõ Chánh giác, đây là Trí chánh giác-Khí thế gian tự tại. Trong đó: Một, Ở trong một niệm hiện rõ một Đức Phật giống như pháp giới. Hai, Ở trong niệm ấy tương tự hiển bày về nhiều Đức Phật. Ba, Nêu ra một niệm tương tự hiển bày về nhiều niệm. Bốn, Nêu ra một tòa hoa tương tự hiển bày về thế giới như hư không pháp giới... đều hiện rõ thân Phật giống như pháp giới. Suy nghĩ sẽ biết, cảnh giới Phật không thể nghĩ bàn thuộc về nơi

này. Trên đây là giải đáp câu hỏi về Vô ngại trú, xong.

Đoạn lớn thứ bảy: Từ “Cụ túc thập chủng bất tư nghị pháp dĩ thành Đẳng Chánh Giác...” trở xuống là sáu môn quay lại giải đáp câu hỏi thứ tư về Phật xuất thế. Trong đó: Một, Thu nhận duyên hiện rõ Giác; Hai, Trong không có khéo léo hiện rõ; Ba, Đã hiện rõ khó suy lường; Bốn, Quả vị như nhau; Năm, Trí trú vào cảnh vi diệu; Sáu, Nhận biết về pháp không sót lại gì. Tất cả nêu ra môn có thể thấy.

Trong mười câu thứ nhất: Hai câu đầu là đầy đủ tướng của quả, nghĩa là trước đầy đủ tướng bên ngoài, sau tròn vẹn đức bên trong. Hai câu tiếp là đầy đủ đức của nhân, nghĩa là trước phước-sau hạnh. Hai câu tiếp là ứng với căn cơ mà hiện rõ, nghĩa là pháp thù thắng không hủy hoại là công đức làm cho ma phải hàng phục. Hai câu tiếp là trang nghiêm thế giới đầy đủ trí. Hai câu tiếp là tướng tròn vẹn-đức đầy đủ. Một câu sau cuối là sự việc hoàn thành nêu rõ kết thúc.

Mười câu thứ hai: Phương tiện khéo léo, nghĩa là chứng lý bình đẳng có thể khởi lên hạnh thù thắng trong có, cho nên nói là khéo léo. 1) Nhận biết về pháp không có cứu cánh là chứng lý, mà thuyết giảng về cứu cánh... là phương tiện khéo léo. Nếu ở nơi Lý không có thì trái với Sự có này, hoặc là nói về Sự có thì trái với Lý không có kia, đều không phải phương tiện khéo léo. Nếu hai nghĩa đều riêng biệt, hoặc là hợp lại làm một thì cùng mất đi, đều không phải phương tiện khéo léo. Nay đều trái với điều này, cho nên gọi là phương tiện khéo léo. Bởi vì đây là giải thích về nghĩa xuất thế của Phật, cho nên dựa vào phương tiện hướng về Sự mà nói. 2) Chứng không có chủ động thấy-thụ động thấy mà khéo léo thấy được pháp giới. 3) Không có tướng mà nhận biết tướng, không có tánh mà hiện rõ sắc. 4) Chứng lý phai mờ ba thời gian, mà thấy chư Phật ba đời rõ ràng. 5) Ba nghiệp không có tạo tác, mà diễn bày về pháp rộng rãi. 6) Lý mất hết nhiễm-tịnh, mà không hủy hoại thế gian và Dụng của trí Phật. 7) Dùng pháp dựa vào không hợp thời mà dung thông thời gian hòa vào nhau, lại luôn luôn trú vào không hợp thời mà thuyết pháp hợp thời. 8) Dùng pháp đã chứng không hợp thời mà không lìa xa thời gian, đầy đủ mười biện tài thuyết về pháp vô tận. 9) Chứng pháp không có tên gọi mà khéo léo khởi lên danh cú. 10) Không có Uẩn-Giới-Xứ mà không hủy hoại tướng của pháp, lại khéo léo thông hiểu hai Không, khéo léo phân biệt ba Tự...

Mười câu thứ ba: Có mười loại Phật sự vô lượng... nghĩa là quả hiện rõ khó suy lường đều thâm nhiếp chúng sinh tiến vào đạo, cùng gọi là Phật sự, nghiệp dụng rộng lớn đều là môn vi tế tướng dung cho nên

không phải cảnh khác.

1) Trong cõi trời Đâu-suất làm Phật sự thâm nhiếp chúng sinh: Một, Riêng biệt nêu ra có thể thâm nhiếp, tổng quát hiển bày về đã thâm nhiếp; Hai, Từ “Đại Từ...” trở xuống là tổng quát hiển bày về có thể thâm nhiếp làm rõ năng nhiếp, riêng biệt trình bày về lợi ích đã thâm nhiếp, đều hiển bày như văn.

2) Từ cõi trời Đâu-suất giáng thân tiến vào thai mẹ làm Phật sự, trong đó có bốn: Một, Trí đức bên trong tròn vẹn. Hai, Đối với cuối cùng... là phân rõ về nơi chốn của phần vị ấy. Ba, Hoặc dùng thần lực... là chính thức hiển bày về nghiệp dụng, có mười như văn, trong đó: Hoặc từ lúc mới phát tâm là bởi vì thâm nhiếp quá khứ, hoặc vào lúc Niết-bàn là bởi vì thâm nhiếp vị lai, cho nên lúc tiến vào thai không những đầy đủ tám tướng, mà cũng thâm nhiếp nhân hạnh của quá khứ, như nói ở phần Ma-da trong phẩm Pháp Giới sau này. Bốn, Từ “Thử đệ nhị Địa...” trở xuống là chính thức trình bày về thâm nhiếp đầy đủ tám tướng-thời gian-phương xứ... mà làm Phật sự.

3) Lúc còn ở trong cung vua thọ nhận cảnh giới dục lạc thâm nhiếp giáo hóa mà làm Phật sự, trong đó: Một, Tự hành bên trong tròn vẹn. Hai, Từ “Đại Bi...” là khéo léo quán sát về bốn Đẳng. Ba, Từ “Quảng năng vi thuyết...” trở xuống là chính thức hiển bày về lợi ích thâm nhiếp. Bốn, Từ “Tuy xử vương cung...” trở xuống là trình bày về lợi ích thâm nhiếp sâu rộng, nghĩa là tất cả nơi chốn là rộng, ba nghiệp thanh tịnh là sâu.

4) Lúc xuất gia thâm nhiếp làm lợi ích, trong đó có bốn: Một, Làm vị dẫn dắt chúng sinh tham ái khiến cho đạt được hạnh thanh tịnh. Hai, Từ “Thị hiện thế gian xả ly...” trở xuống là dẫn dắt chúng sinh ngu si khiến cho đạt được trí tuệ. Ba, Từ “Thị hiện chúng sinh vô thương...” trở xuống là dẫn dắt chúng sinh ít phước khiến cho đầy đủ phước trí. Bốn, Từ “Quảng vị chúng sinh...” trở xuống là trao cho tướng của Chánh pháp.

5) Lúc thành đạo thâm nhiếp làm lợi ích, trong đó có ba: Một, Hiện rõ Chánh giác của mình. Hai, Từ “Trang nghiêm nhất thiết...” trở xuống là thâm nhiếp quyền thuộc bên trong. Ba, Từ “Linh nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là làm nhiều lợi ích cho chúng sinh, nghĩa là trước khiến cho hạnh thành tựu-đầy đủ, từ “Tất phân biệt...” trở xuống là khiến cho thiết lập mở rộng Đại Trí.

6) Lúc chuyển Pháp luân thâm nhiếp làm lợi ích, trong đó có mười loại Pháp luân: Một, Giáo kiên cố không lui sụt; hai, Nhận biết khắp

nơi về nhiều Luân; ba, Pháp đã thuyết quyết định; bốn, Thành tựu lợi ích không hư giả; năm, Thể của Luân rộng lớn; sáu, Cảnh của Luân rất sâu xa; bảy, Dụng của Luân soi chiếu phía dưới; tám, Luân có thể hiện rõ phía trên; chín, Tánh của Luân bình đẳng; mười, Tổng quát kết luận về vô tận. Mười chuyển Pháp luân vô tận của Nhất thừa thích hợp với văn này.

7) Lúc đi vào Vương thành... thâm nhiếp làm lợi ích, trong đó có bốn: Một, Đi vào Vương thành làm lợi ích cho chúng sinh; Hai, Từ “Nhất thiết chư Phật sắc thân...” trở xuống là trình bày về có thể dùng sắc tướng oai nghi... để làm lợi ích; Ba, Từ “Bỉ chư chúng sinh...” trở xuống là hiển bày về tướng đã làm lợi ích; Bốn, Từ “Dĩ như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về vô tận.

8) Từ “Hoặc trú A-luyện-nhã...” trở xuống là trình bày về nghĩa tùy theo nơi an trú... thâm nhiếp làm lợi ích, trong đó có bốn: Một, Nơi an trú thâm nhiếp làm lợi ích; Hai, Dùng cảnh giới để thâm nhiếp làm lợi ích; Ba, Dùng pháp đã thuyết giảng để thâm nhiếp làm lợi ích; Bốn, Dùng thời gian đã an trú để thâm nhiếp làm lợi ích.

9) Dùng tạng công đức vô tận để thâm nhiếp làm lợi ích, trong đó có ba: Một, Trình bày về giáo hóa đã thành tựu lợi ích tiến vào phần vị Bồ-tát; Hai, Từ “Hoặc hiện Niết-bàn...” trở xuống là hiển bày về phương tiện có thể giáo hóa; Ba, Từ “Hoặc phát chúng sinh...” trở xuống là giáo hóa tiến vào phần vị thuộc cảnh giới của Phật.

10) Lúc thị hiện Niết-bàn thâm nhiếp làm lợi ích, trong đó có ba: Một, Lợi ích về thị hiện diệt độ lưu luyện ngưỡng mộ; Hai, Lợi ích về xá-lợi để lại; Ba, Dụng tháp thờ tóc-móng-răng, nghĩa là khiến cho thành tựu nhân-đạt được quả, nghĩ đến ân-ca ngại đức.

Mười câu thứ tư: Pháp Vương không có pháp khác là trình bày về quả vị như nhau: 1) Thọ ký riêng biệt không khác nhau; 2) Toại nguyện đều giống nhau; 3) Pháp thân không khác nhau; 4) Trí tuệ như nhau; 5) Phật đã nhận biết giống nhau; 6) Thế giới đã nhận biết giống nhau, bởi vì quả không có hơn-kém; 7) Lời nói giống như pháp âm; 8) Tất cả đều giáo hóa chúng sinh; 9) Nhiễm và tịnh cùng phai mờ; 10) Thiện căn giống với Chân Như. Nhưng ở nơi khác nói về bốn loại bình đẳng, cho nên nói Tỳ-bà-thi tức là Thích-ca, mười loại trong này không có gì khác, cũng là ý nghĩa bình đẳng có thể biết.

Mười câu thứ năm: Hưởng về mười loại pháp trú, nghĩa là Phật luôn luôn an trú trong mười loại pháp này: 1) Phật trú; 2) Phạm trú; 3) Dựa vào Nguyện vốn có; 4) Trú vào tâm Bi hiện có; 5) Không có công

dụng; 6) Lìa xa tình thức hư vọng; 7) Niệm không hề tạm thời mất đi; 8) Tâm không có giới hạn ngăn ngại; 9) Không có lúc nào không ở trong Định; 10) Trú vào phạm vi chân thật.

Mười câu thứ sáu: Nhận biết về mười loại đều không sót lại gì, là Đại Trí không có giới hạn soi chiếu cảnh không sót lại gì: Ba câu đầu tức là ba Đạt viên minh. Ba câu tiếp là nhận biết về Chúng sinh thế gian, nghĩa là nhiều loại chúng sinh với ngôn ngữ âm thanh sai khác, gọi là con đường ngôn ngữ. Hai câu tiếp là nhận biết về xuất thế, nghĩa là Bồ-tát và Phật. Ba câu sau là nhận biết về pháp môn, một là tổng quát nhận biết về duyên khởi, hai là riêng biệt nhận biết về Sự tướng, ba là dùng Lý để hiểu Sự, như Đế võng trùng trùng, đều như trong Địa Luận ở trước đã giải thích. Trên đây là giải đáp câu hỏi về Phật xuất thế, xong.

Đoạn lớn thứ tám: Từ “Thập chủng tối thắng lực...” trở xuống là giải đáp câu hỏi thứ tám về Thân lực của Phật. Trong đó có một trăm môn: Đầu nêu ra mười môn là tổng quát nêu ra, sau riêng biệt giải thích về mười môn. Mỗi một môn tổng quát có đủ mười môn riêng biệt, và mỗi một môn riêng biệt thấu nhiếp mười môn tổng quát, cho nên trở thành một trăm môn. Vì sao biết được? Bởi vì trong nêu ra nói là mười loại Lực tối thắng, Đại lực-Vô lượng lực, cho đến pháp an trú của Phật, làm một câu nêu ra mà biết. Nói mười loại là nối liền chín Lực sau, đều có mười. Sau nói những gì là mười? Tổng quát nêu ra mười Lực trước đều có mười nghĩa, nhưng bởi vì nghĩa giống nhau, cho nên cũng tổng quát dùng mười môn để giải thích chung về mười Lực trước đây. Vì vậy trong kết luận tất cả chỉ có kết luận về môn thứ nhất, bởi vì mười loại này đều là Đại lực Na-la-diên...

Lấy Đại lực làm tổng quát, chín loại còn lại thấu nhiếp ở trong Đại lực, cho nên có mười loại Đại lực: 1) Lực dụng vượt qua yếu kém gọi là Tối thắng lực. 2) Thể ấy nhiều năng lực gọi là Đại lực. 3) Nghiệp dụng nhiều môn. 4) Dụng thù thắng của Đại phước. 5) Uy đức rất tôn quý, như ngoại đạo trông thấy Phật mà tự mình làm trái quy định trước kia bất giác đứng dậy lễ chào.... 6) Việc đã làm không trống rỗng. 7) Có thể hủy hoại quân ma. 8) Không bị người khác làm cho hủy hoại. 9) Nghiệp dụng vượt lên trên sự biểu hiện của thế gian. 10) Tất cả thế gian không có gì có thể phá hoại.

Nói Đại lực Na-la-diên tràng... là kết luận đưa về loại tổng quát thứ nhất. Na-la-diên, Trung Hoa nói là Kiên Lao, tức là tên gọi Lực sĩ của Đế Thích, nêu ra gần để so sánh.

Từ “Phật sở trú chi lực...” trở xuống là trong riêng biệt giải thích:

1) Lực của thân mạng không có gì làm hại, đây là giải thích về Đại lực Tối thắng. Đức Phật đã gia hộ giữ gìn cho chúng sinh, và Đức Phật đã làm cho chúng sinh an lành, như trên Kim cang; mưa gió đều không thể làm hại được, như bà lão bị xua đuổi; ấm con trẻ lao vào lửa, như hồ sen mát lành...

2) Lực của lỗ chân lông dung nạp giữ gìn, đây là giải thích về lực Vô lượng. Như hư không, là bởi vì có thể dung nạp nhiều, bởi vì không có gì mệt mỏi.

3) Lực của mấy lông mang đi nhanh vòng quanh núi, đây là giải thích về lực Đại công đức. Lỗ chân lông trên thân Như Lai cùng với số lỗ chân lông vốn có của tất cả chúng sinh khắp pháp giới mười phương bằng nhau, là hiển bày về lỗ chân lông đã nhiều, mà đều mang đi như trên Kim cang, vòng quanh núi là trình bày về vật nặng đã nâng lên. Một bước... là đi bước lớn, niệm niệm... là bước đi nhanh chóng, mười phương hư không giới... là đã đến nơi xa, toàn bộ quá khứ... là đi trải qua thời gian dài, không có gì mệt mỏi yếu kém... là không khác gì không bước đi.

4) Lực của Định Dụng tự tại, đây là giải thích về lực Tôn trọng. Trong đó: a) Thân không rời khỏi Định, giáo hóa không mất thời cơ; b) Chỉ ra duy trì chúng sinh giới mà không rời khỏi chỗ ngồi khắp nơi.

5) Lực thường chuyển Pháp luân ở khắp mọi nơi, đây là giải thích về lực Bất thối chuyển, trong đó có hai: Một, Dùng một thân Phật rộng khắp pháp giới thường chuyển Pháp luân; Hai, Từ “Như Lai nhất Hóa thân...” trở xuống là trình bày về tất cả các thân thường chuyển Pháp luân. Trong phần một, mỗi một... là thuyết giảng nhiều, tận cùng đời kiếp như số vi trần... là thường xuyên thuyết giảng, chuyển Chánh pháp luân... là lợi ích của thuyết giảng. Trong phần hai, ở mỗi một đầu mấy lông niệm niệm giáo hóa... là hiển bày về nhiều thân Phật trùng trùng ở khắp mọi nơi vô ngại mà thường xuyên thuyết giảng.

Hỏi: Nếu dựa vào văn này, thì Phật không có lúc nào không thuyết giảng, vì sao thậm chí chỉ có một Bộ lưu hành?

Đáp: Đây là nơi chúng sinh cơ cảm thuyết giảng làm một Bộ, mà Như Lai thuyết pháp chưa từng tạm nghỉ, bởi vì Đại cơ thường cảm không có gián đoạn.

Hỏi: Nếu khắp nơi hư không ở đâu mấy lông đều có thuyết pháp, vì sao nơi này ngay bây giờ không nghe?

Đáp: Bởi vì căn không có thuần thực, giống như người mù không

thấy mặt trời, chứ không nói là không có mặt trời xuất hiện giữa thế gian...; cũng bởi vì điếc cho nên không nghe, chứ không nói là không có thuyết giảng. Nếu như vậy thì thuyết giảng lẽ ra không khắp nơi thế giới chúng sinh? Giải thích: Bởi vì khắp nơi, cho nên đến nơi không nghe có thể khiến cho không nghe, đến nơi nghe khiến cho nghe thấy; đến nơi nghe có giới hạn, nơi nghe không có giới hạn, đều như ngay lúc ấy cho nên gọi là khắp nơi. Vì vậy bây giờ không nghe cũng là Đức Phật đang thuyết pháp.

6) Lực của chữ Đức trên ngực là tướng hàng ma, đây là giải thích về lực Kiên cố.

7) Lực của âm thanh vang khắp mọi nơi, đây là giải thích về lực Bất khả hoại.

8) Lực của Chứng lý hiện bày sự việc vô ngại, đây là giải thích về lực mà tất cả thế gian không có thể nghĩ bàn. Trong đó, đầu là Chứng lý vô cùng sâu xa, sau từ “Tùy trí tuệ chuyển...” trở xuống là hiện bày sự việc tự tại.

9) Lực của Pháp thân sâu xa bí mật, đây là giải thích về lực mà tất cả chúng sinh không có thể hủy hoại. Trong đó, đầu là Pháp thân bình đẳng hiện bày khắp nơi vô ngại, sau từ “Kỳ thân sung mãn...” trở xuống là ứng hiện không có nơi chốn, phù hợp với tánh bình đẳng.

10) Lực đầy đủ hạnh của Bồ-tát và Đại trí của Phật, đây là giải thích về Đại lực cuối cùng, kết luận về Lực giống nhau. Trong đó, một là đầy đủ hạnh Bồ-tát thuận với Dụng của Phật quả, hai từ “Trú chư Phật trú...” trở xuống là trình bày về Đức viên mãn của Trí thù thắng, ba từ “Dĩ minh tịnh trí...” trở xuống là Đức soi chiếu thông suốt vô biên cảnh giới.

Đoạn lớn thứ chín: Từ “Thập chủng định pháp...” trở xuống là ba môn quay lại giải đáp câu hỏi thứ năm về Pháp thân. Trong đó: Môn thứ nhất trình bày về thân nghiệp luyện tập Định, môn thứ hai trình bày về thấy lợi ích đã đạt được, môn thứ ba hiển bày khuyến khích quán sát về đức thù thắng.

Trong mười câu thứ nhất: Tám tướng Hóa thân chư Phật đều có, cho nên nói là pháp nhất định, tóm lược không có tướng Niết-bàn. Trong này chính thức hiển bày tác dụng của thân nghiệp, như văn giải thích.

Mười câu thứ hai: Thấy Phật đạt được mười quả báo, là trình bày về việc đã làm không hư rộng. Trong đó: Hai câu đầu là báo thuộc diệt pháp ác-sinh pháp thiện; hai câu tiếp là báo thuộc nhân tốt lành-quả vui sướng; hai câu tiếp là báo thuộc trừ nghi ngờ không lui sụt, nghĩa là

tiến vào phần vị Tam Hiền ở Địa tiền; hai câu tiếp là báo thuộc chứng được phần vị của căn thanh tịnh, từ Địa thứ nhất đến Địa thứ bảy, bởi vì chứng Địa cho nên gọi là xuất thế, có ra khỏi cảnh quán cho nên gọi là thế gian; hai câu sau cuối là báo thuộc diệt trừ chướng ngại đạt được biện tài, nghĩa là từ Địa thứ tám trở lên.

Mười câu thứ ba: Có mười loại pháp thanh tịnh, Bồ-tát thuận theo nghĩ đến, là nghĩ đến nhân để học theo, nghĩ đến quả để tăng thêm pháp thiện. Trong đó: Sáu câu đầu là nghĩ đến nhân hạnh, bốn câu sau là nghĩ đến quả đức, có thể biết. Trên đây là giải đáp câu hỏi thứ năm về Pháp thân, xong.

Doạn lớn thứ mười: Từ “Thập chủng Nhất-thiết-trí trú...” trở xuống là ba môn giải đáp câu hỏi thứ mười về Vô ngại Giải thoát của Phật. Trong đó: Môn thứ nhất trình bày về nghiệp dụng của trí Hậu đắc, môn thứ hai hiển bày về Diệu Định tự tại, môn thứ ba chính thức trình bày về giải thoát vô ngại, bởi vì giải thoát này dựa vào Định-Tuệ mà thành tựu.

Trong mười câu thứ nhất: Trí có năng lực nhanh chóng, trí rộng rãi gọi là trú vào Trí. Hai câu đầu là nhận biết căn khí đã giáo hóa, hai câu tiếp là thành tựu sự việc chủ động giáo hóa, hai câu tiếp là hiện rõ về Phật và thần lực, hai câu tiếp là thuyết pháp và biết nơi hướng về, hai câu sau cuối là ứng niệm hiện rõ hình tướng.

Mười câu thứ hai: Có mười loại Tam-muội vô lượng bất tư nghị, là Định ở pháp này có Dụng đối với pháp kia, lại Định này tức là Dụng, cho nên khó mà nghĩ bàn. Trong đó: Hai câu đầu là dựa theo Nhân-Pháp; hai câu tiếp là dựa theo Thời-Xứ; hai câu tiếp là dựa theo ba nghiệp của Phật, rộng khắp mọi nơi pháp giới mà thuyết giảng, ở tất cả mọi nơi có hiện rõ và không hiện rõ...; hai câu tiếp là dựa theo pháp thuộc Lý và Sự; câu thứ chín là Định thuộc về lìa xa thế gian mà luôn luôn hiện rõ thế gian trang nghiêm; câu thứ mười là Định thuộc về chúng sinh mà luôn luôn đến nơi Phật.

Mười câu thứ ba: Có mười loại Vô ngại Giải thoát, là chướng ngại đã không còn gọi là Vô ngại, tác dụng tự tại gọi là Giải thoát. Nếu trong giáo thuộc Tam thừa nói Phật có tám Giải thoát... thì không phải là nơi này thu nhận, mười môn Vô tận này là Giải thoát thuộc Nhất thừa, nên dựa theo mà nhận biết. Hai câu đầu là hiện rõ Phật thuyết pháp; hai câu tiếp là điều phục chúng sinh hiện rõ quốc độ; một câu tiếp là điều phục rồi thọ ký; ba câu tiếp là hiện rõ Y-Chánh thần lực của chư Phật ba đời; hai câu sau cuối là hiện rõ chủ động giáo hóa và thụ động giáo hóa ở ba

đời Như vậy. Đức chúa Phật là lực dung thông của pháp tánh, dựa theo Trí là lực tự tại của Như Lai. Bởi vì Trí này thông hiểu pháp kia, vốn viên dung vô ngại, cho nên có thể như vậy. Đây là dựa theo quả viên mãn mà nói. Nếu Bồ-tát đạt được từng phần giải thoát không nghĩ bàn như Duy-ma, thì đều tương tự như vậy.
